

Số: 78 /2004/QĐ-UB

Tuyên Quang, ngày 18 tháng 11 năm 2004

QUYẾT ĐỊNH CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH
Về việc ban hành Quy định tạm thời suất đầu tư trồng cây hành lang ven
lộ bằng cây bản địa có kích thước bầu 25cm x 25cm, khoảng cách trồng
4m x 4m (mật độ 625 cây/ha) trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH TUYÊN QUANG

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Quyết định số 532/NKT ngày 15/7/1988 của Bộ Lâm nghiệp về việc ban hành tạm thời định mức kinh tế kỹ thuật trồng rừng;

Căn cứ Quyết định số 278/QĐ-UB ngày 11/5/1995 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc ban hành quy định tạm thời các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật áp dụng cho trồng và chăm sóc rừng trên địa bàn toàn tỉnh;

Căn cứ Chỉ thị số 07-CT/TU ngày 25/9/2003 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về tăng cường công tác lãnh đạo, chỉ đạo việc quản lý hành lang bảo vệ đường bộ và trồng cây ven lộ; Quyết định số 07/2004/QĐ-UB ngày 27/01/2004 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc giao chỉ tiêu kế hoạch Nhà nước và dự toán ngân sách Nhà nước năm 2004;

Thực hiện Công văn số 1845/UB-NLN ngày 19/8/2004 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc thực hiện kế hoạch trồng cây ven lộ;

Xét đề nghị của liên ngành Tài chính - Kế hoạch và Đầu tư - Nông nghiệp và PTNT - Kho bạc Nhà nước Tuyên Quang tại Tờ trình số 1421/T.Tr-LN ngày 27/8/2004 về việc đề nghị phê duyệt đơn giá, suất đầu tư trồng cây ven lộ bằng cây bản địa có kích thước bầu 25cm x 25cm, mật độ trồng 625 cây/ha,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành quy định tạm thời về suất đầu tư trồng cây hành lang ven lộ bằng cây bản địa (Lát, Mỡ, Sấu, Trám, Long nhãn) có kích thước bầu 25cm x 25cm, khoảng cách trồng 4m x 4m (mật độ 625 cây/ha) trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang, cụ thể như sau:

Tổng suất đầu tư trồng, chăm sóc, quản lý, bảo vệ cây hành lang ven lộ trong 03 năm là **9.278.989 đồng/ha** (chín triệu, hai trăm bảy mươi tám nghìn, chín trăm tám mươi chín đồng trên 01 ha). Trong đó:

1. Trồng mới: 7.247.090 đồng.
2. Chăm sóc, bảo vệ năm thứ nhất: 492.900 đồng.
3. Chăm sóc, bảo vệ năm thứ hai: 1.110.537 đồng.
4. Chăm sóc, bảo vệ năm thứ ba: 428.462 đồng.

(chi tiết theo biểu kèm theo)

Điều 2. Các chỉ tiêu kinh tế, kỹ thuật được quy định trong suất đầu tư trồng, chăm sóc, quản lý, bảo vệ cây hành lang ven lộ tại Điều 1 Quyết định này được áp dụng để lập thiết kế, dự toán các công trình trồng cây hành lang ven lộ bằng cây bản địa trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang theo kế hoạch giao hàng năm; khi thanh toán, quyết toán phải căn cứ hồ sơ thiết kế được duyệt, khối lượng nghiệm thu thực tế, đảm bảo đúng quy định hiện hành và không được vượt quá tổng suất đầu tư được duyệt tại Điều 1 nêu trên.

Sở Nông nghiệp và PTNT, Sở Tài chính, Sở Kế hoạch và Đầu tư, Kho bạc Nhà nước Tuyên Quang căn cứ chức năng, nhiệm vụ của ngành có trách nhiệm hướng dẫn, kiểm tra, giám sát các Chủ đầu tư trồng cây hành lang ven lộ trong việc tổ chức thực hiện Quyết định này.

Điều 3: Quyết định này có hiệu lực thi hành từ ngày ký.

Các ông (bà): Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các Sở: Nông nghiệp và PTNT, Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính; Giám đốc Kho bạc Nhà nước Tuyên Quang; Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, Giám đốc các Lâm trường, dự án trồng rừng trên địa bàn tỉnh và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH TUYÊN QUANG

KT. CHỦ TỊCH

PHÓ CHỦ TỊCH

Nơi nhận: *Ch.*

- TT Tỉnh uỷ | Báo
- TT HĐND tỉnh | cáo
- Chủ tịch & các PCT UBND tỉnh
- Như điều 3 (thực hiện)
- Các Phó Văn phòng UBND tỉnh
- Chuyên viên: NLN-TC-TH-GT
- Lưu VT



Châu Văn Lâm

SUẤT ĐẦU TƯ TRỒNG 1 HA CÂY HẠNH LANG VEN LỘ BÀNG CÂY BÀN ĐỊA BẦU TO

(Kèm theo Quyết định số 78/2004/QĐ-BN ngày 18 tháng 11 năm 2004)



- Loài cây: Lát, Trám, Sầu, Mỡ, Long nhãn
- Kích thước bầu 25cm x 25cm, Khoảng cách trồng 4m x 4m (625 cây/ha)

TRỒNG MỚI		CHĂM SÓC CÁC NĂM				Tổng suất đầu tư
HÀNG MỤC	Đơn vị	Tổng mới	Năm 1	Năm 2	Năm 3	
A-Công lao động	công	77,18	16,75	20,83	13,32	128,08
1- Phát dọn thực bì	công	20,28	11,35	14,43	12,32	
2- Cốc hố	công	18,00	4,40	4,40		
3- Lắp hố	công	5,25		1,00		
4- Vận chuyển phân bón, bón phân	công	4,17				
5- Bốc xếp xuống	công	3,50				
6- Trồng cây	công	24,98				
7- Nghiệm thu	công	1,00	1,00	1,00	1,00	
B- TỔNG DỰ TOÁN	ĐỒNG	7.247.090	492.900	1.110.537	428.462	9.278.989
1- Trục tiếp phi	đồng	6.811.888	251.250	843.585	199.800	8.106.523
1- Nhân công (15.000 đ/công)	đồng	1.157.700	251.250	312.450	199.800	1.921.200
2- Vật liệu	đồng	5.654.188		531.135		6.185.323
a) Giồng cây	đồng	5.354.188		531.135		5.885.323
- Đơn giá bình quân 8.566,7 đồng/cây	đồng					-
b) Phân bón lót (NPK 0,3 kg/hố)	đồng	300.000				300.000
- Đơn giá NPK = 1.600 đ/kg						-
II- Chi phí quản lý, bảo vệ	đồng	393.502	85.400	106.202	67.912	653.016
III- Thiết kế phi	đồng	41.700		4.500	4.500	50.700
IV- Bảo vệ (250 đồng/cây)			156.250	156.250	156.250	468.750